

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 04/2005/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 1 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ tờ trình số 235/TTr-UB ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Ý kiến của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4866 BKH/TĐ&GSĐT ngày 05 tháng 08 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

a) Đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhanh chóng đưa tỉnh Quảng Ngãi ra khỏi tình trạng nghèo, kém phát triển và trở thành Tỉnh có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khá trong khu vực, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động; xoá đói, giảm nhanh số hộ nghèo; phấn đấu để mức thu nhập dân cư đạt trung bình khá so với cả nước, từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

b) Phát huy lợi thế về nguồn nhân lực, nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu đổi mới, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010, phấn đấu đến năm 2010 để Quảng Ngãi trở thành Tỉnh có công nghiệp phát triển.

c) Tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Quan điểm phát triển:

a) Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi gắn với sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước.

b) Phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh theo hướng có trọng điểm và có các bước đi thích hợp.

c) Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

d) Đầu tư phát triển nguồn nhân lực của Tỉnh.

đ) Phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội, an ninh quốc phòng.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

a) Phần đầu đạt mức tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Tỉnh từ nay đến năm 2010 khoảng 12 - 13%; trong đó, từ nay đến 2005 khoảng 10 - 11%, thời kỳ 2006 - 2010 khoảng 14 - 15%.

b) GDP/người: năm 2005 đạt khoảng 5,24 triệu đồng (giá hiện hành) bằng 63,8% so mức trung bình cả nước và đến năm 2010 đạt khoảng 11,2 - 12,1 triệu đồng (giá hiện hành), bằng khoảng 93,2% so mức trung bình cả nước.

c) Kim ngạch xuất khẩu đạt 25 - 30 triệu USD vào năm 2005 và đạt khoảng 60 - 70 triệu USD vào năm 2010.

d) Tỷ lệ tăng dân số từ nay đến 2005 dưới 1,1% và thời kỳ 2006 - 2010 là 1%. Phần đầu hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng từ 28.000 - 30.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 28 - 30%.

đ) Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống dưới 10% vào năm 2005 và dưới 5% vào năm 2010 (chuẩn nghèo của giai đoạn 2001 - 2005). Năm 2005 đạt 100% hộ gia đình ở đô thị và 75% hộ gia đình ở nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, vào năm 2010 đạt 90% hộ gia đình ở nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

e) Về phổ cập giáo dục: đến năm 2005 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi ở các huyện đồng bằng. Đến năm 2010 hoàn thành và củng cố

phổ cập trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tiến hành thực hiện phổ cập trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện.

g) Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng đến năm 2005 còn khoảng 30% và năm 2010 còn khoảng 20%.

4. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội:

a) Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh trong thời gian tới. Phương hướng chung là:

- Tập trung đầu tư, đẩy nhanh sự hình thành và phát triển khu kinh tế Dung Quất, nhằm tạo bước đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện các khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú; hình thành khu công nghiệp Phổ Phong. Xây dựng một số cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở Sa Huỳnh, Mộ Đức, La Hà, Sơn Hải và một số cụm công nghiệp ở huyện, thị có điều kiện.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp:

- + Lọc hoá dầu và công nghiệp hoá chất;

- + Cơ khí, luyện kim và đóng tàu biển;

- + Khai thác mỏ và vật liệu xây dựng;

- + Chế biến đường và sản phẩm sau đường;

- + Chế biến thủy, hải sản và súc sản;

- + Chế biến hàng tiêu dùng;

- + Phát triển công nghiệp khác ở nông thôn với các ngành nghề như : sản xuất vật liệu xây dựng, da giày, may mặc, chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, phục hồi và phát triển một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống;

- + Phát triển một số ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho Khu kinh tế Dung Quất.

b) Ngành nông nghiệp :

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Đến năm 2010 tỷ trọng trồng trọt còn 55%, chăn nuôi lên 45%.

- Hoàn thành chuyển đổi đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang sản xuất 2 vụ lúa/năm.

- Đầu tư hình thành các vùng nguyên liệu mía, mì, cao su, bông vải, điều, nguyên liệu giấy... đáp ứng nhu cầu cho các nhà máy chế biến.
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới vào tất cả các khâu của quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, các ngành dịch vụ, chế biến, ở khu vực nông thôn.
- Tăng cường cơ sở hạ tầng cho khu vực nông nghiệp và các vùng nông thôn về giao thông, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, mạng lưới chợ và các dịch vụ khác.
- Hình thành vành đai nông nghiệp phục vụ Khu kinh tế Dung Quất.

c) Ngành lâm nghiệp:

Đẩy mạnh trồng rừng tập trung, trung bình mỗi năm trồng 5.000 - 6.000 ha. Khoanh nuôi tái sinh rừng khoảng từ 8.000 - 10.000 ha. Khai thác hợp lý rừng tự nhiên và rừng trồng vào khoảng từ 70.000 - 75.000 m³/năm, trong đó chủ yếu là rừng nguyên liệu. Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 35% vào năm 2005 và 45% vào năm 2010.

d) Ngành thủy sản :

- Khai thác thủy, hải sản: tổng sản lượng đánh bắt đến năm 2005 đạt 88.000 tấn và năm 2010 đạt 100.500 tấn.
- Nuôi trồng thủy sản: phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước ngọt với các loại thủy sản, trong đó đặc biệt là nuôi tôm thành ngành sản xuất hàng hoá. Phấn đấu diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2010 đạt 3.350 ha với sản lượng 8.500 tấn, trong đó diện tích nuôi tôm đạt khoảng 3.000 ha, sản lượng khoảng 6.500 tấn.
- Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá: hoàn thành các cảng cá: Sa Huỳnh, Sa Kỳ, Tịnh Hoà; mở rộng cảng cá Lý Sơn và hoàn thành bến neo đậu thuyền Lý Sơn.

đ) Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu và du lịch:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt từ 25 - 30 triệu USD vào năm 2005 và đến năm 2010 đạt khoảng từ 60 - 70 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu đạt 94 triệu USD.
- Đến năm 2005 thực hiện xong việc sắp xếp mạng lưới chợ, xây dựng mới các chợ trung tâm huyện, một số chợ trung tâm cụm xã miền núi, hải đảo, mở rộng chợ quá

tải, xoá bỏ chợ cóc, chợ tạm và dịch chuyển các chợ trên hành lang giao thông. Từ 2006 đến 2010: đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các chợ còn lại.

- Du lịch: dự báo đến năm 2005 đón 18.000 lượt khách quốc tế và 200.000 lượt khách nội địa, đến năm 2010 đón khoảng 45.000 lượt khách nước ngoài và trên 320.000 lượt khách nội địa. Doanh thu du lịch ước đạt 90 tỷ đồng vào năm 2005 và đạt khoảng 300 tỷ đồng vào năm 2010.

Hợp tác với các công ty du lịch lớn của quốc gia (Công ty du lịch của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) và khu vực như Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam để đầu tư các tuyến du lịch sinh thái, lịch sử gắn các tuyến du lịch nội tỉnh với các trung tâm và tuyến du lịch liên vùng, các trung tâm du lịch trong nước; tập trung đầu tư khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Vạn Tường, Khe Hai, Cà Đam, Nước Trong...

- Phát triển các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng và dịch vụ khác. Hình thành thị trường vốn, thu hút vốn nhàn rỗi trong dân, tổ chức kinh tế, gia đình trong và ngoài tỉnh.

e) Phát triển theo lãnh thổ:

- Phát triển đô thị:

+ Tỷ lệ đô thị hóa sẽ nâng lên 14,3% vào năm 2005 và 18,3% vào năm 2010.

+ Đến năm 2005, thị xã Quảng Ngãi sẽ nâng cấp thành thành phố tỉnh lỵ và mở rộng quy mô về phía Đông Bắc sông Trà. Đến năm 2010 thành phố tỉnh lỵ có cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, sau đó chuyển sang cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp với quy mô khoảng 148.000 người.

+ Đến năm 2010, thành phố Vạn Tường có quy mô diện tích 2.400 ha, trong đó nội thị là 1.682 ha; dân số 95.000 người. Trong tương lai, đây sẽ là một trong những thành phố công nghiệp, du lịch và dịch vụ hiện đại ở miền Trung.

+ Định hướng xây dựng thị trấn Đức Phổ thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2010.

+ Xây dựng các thị trấn, huyện lỵ trở thành các trung tâm của từng huyện để tác động đến phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn.

- Vùng miền núi: bao gồm 6 huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ và Tây Trà chiếm 62,9% diện tích tự nhiên và 14,3% dân số toàn Tỉnh. Định hướng